

ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐIỆN BIÊN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **69** /BC-ĐDBQH

Điện Biên, ngày **15** tháng 8 năm 2014

BÁO CÁO

Kết quả giám sát về "Tình hình thực hiện Nghị quyết 494/NQ-UBTVQH13 và bước đầu thực hiện Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13, Pháp lệnh số 05/2012/UBTVQH13 về chính sách ưu đãi người có công với Cách mạng"

Thực hiện Nghị quyết số 2979/NQ-UBVĐXH13 ngày 23/6/2014 của Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Điện Biên tổ chức giám sát "Tình hình thực hiện Nghị quyết 494/NQ-UBTVQH13 và bước đầu thực hiện Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13, Pháp lệnh số 05/2012/UBTVQH13 về chính sách ưu đãi người có công với Cách mạng" trên địa bàn toàn tỉnh. Trên cơ sở báo cáo của UBND các cấp, Sở Lao động Thương binh và Xã hội; giám sát, khảo sát trực tiếp tại 3 huyện, thành phố và 6 xã, phường, thị trấn, Đoàn ĐBQH tỉnh Điện Biên báo cáo một số nội dung sau:

I. VỀ CÔNG TÁC BAN HÀNH VĂN BẢN VÀ TRIỂN KHAI, PHỔ BIẾN, TUYÊN TRUYỀN NGHỊ QUYẾT 494/NQ-UBTVQH13, PHÁP LỆNH 04/2012/UBTVQH 13 VÀ PHÁP LỆNH 05/2012/UBTVQH 13

1. Tình hình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản chỉ đạo, tổ chức thực hiện

Thực hiện Nghị quyết 494/NQ-UBTVQH13 và bước đầu thực hiện Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13, Pháp lệnh số 05/2012/UBTVQH13 về chính sách ưu đãi người có công với Cách mạng, Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật¹ hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho các ngành, các cấp thực hiện các chế độ, chính sách đối với người có công với Cách mạng.

Tỉnh Điện Biên không ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chế độ, chính sách đối với người có công với Cách mạng, chỉ ban hành các văn bản (169 văn bản, trong đó: 14 Kế hoạch, 27 quyết định và 128 công văn) để triển khai thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành.

¹ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 9/4/2013 của Chính phủ; Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22/5/2013 của Chính phủ; Nghị định số 101/2013/NĐ-CP ngày 04/9/2013 của Chính phủ; Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở; Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 14/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án xác định hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin; Quyết định 1237/QĐ-TTg ngày 27/7/2013 về phê duyệt đề án tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ từ nay đến năm 2020 và những năm tiếp theo; Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động- TB&XH; Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BLĐTBXH- BQP ngày 22/10/2013 của liên Bộ Lao động- TB&XH, Bộ Quốc phòng; Thông tư liên tịch số 41/TTLT/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH, ngày 18/11/2013 của liên Bộ Y tế, Bộ Lao động- TB&XH.

2. Công tác phổ biến, tuyên truyền

Sau khi Nghị quyết, các Pháp lệnh về chính sách người có công với Cách mạng và các văn bản hướng dẫn thi hành có hiệu lực pháp luật. Tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo "thực hiện hỗ trợ nhà ở cho người có công với Cách mạng" từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chính sách pháp luật về người có công bằng nhiều hình thức như: Tổ chức tập Hội nghị, hội thảo, quán triệt, trao đổi trực tiếp; sao gửi văn bản; thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, phát hành tờ rơi, tờ gấp ..., đã tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, được nhân dân đồng tình ủng hộ, nhiệt tình hưởng ứng, tham gia thực hiện.

II. VỀ TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 494/NQ-UBTVQH13

1. Kết quả thực hiện việc điều chỉnh nâng mức trợ cấp, phụ cấp đối với người có công với CM cùng với việc thực hiện các chính sách ưu đãi khác

Tỉnh Điện Biên đã triển khai thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp, phụ cấp hàng tháng cho 1.261 người có công với Cách mạng² theo quy định tại Nghị định số 101/2013/NĐ-CP ngày 04/9/2013 của Chính phủ, bảo đảm mục tiêu người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư nơi cư trú. Bên cạnh đó các cấp ủy Đảng, Chính quyền, Đoàn thể, tổ chức thường xuyên tâm động viên, tặng quà các gia đình người có công với CM nhân các dịp lễ, tết.

2. Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ về nhà ở đối với hộ người có công với cách mạng

Phê duyệt Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở, toàn tỉnh có 1.773 nhà (593 nhà cần xây mới, 1.180 nhà cần sửa chữa), tổng kinh phí 47.556.400.000 đồng (theo biểu số 01 kèm theo). Tăng 9,6 lần so với báo cáo Đoàn giám sát của UBTVQH năm 2012 (183 nhà), chủ yếu là do tăng ở các đối tượng mới được bổ sung (người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ Quốc tế là 1.425 nhà, chiếm 80,37%). Đến nay, được Bộ Tài chính tạm cấp 2.200 triệu đồng, hỗ trợ cho 73 hộ (37 nhà xây mới, 36 nhà sửa chữa) chiếm 39,89% so với số liệu theo báo cáo UBTVQH năm 2012 (183 nhà) và chiếm 4,12% số hộ theo Đề án đã phê duyệt, đã làm xong 20/73 nhà (11 nhà xây mới, 09 nhà sửa chữa), đạt 27,39%.

Ngoài ra, tỉnh đã huy động từ nguồn vốn đóng góp của các cơ quan, đơn vị, tổ chức hỗ trợ cho 76 nhà (làm mới 50 nhà, sửa chữa 26 nhà), với tổng kinh phí 3.498,5 triệu đồng³.

² Trong đó: Có 04 cán bộ Lão thành cách mạng; 03 cán bộ Tiền khởi nghĩa; 04 Anh hùng lực lượng vũ trang; 06 người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đầy; 373 thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh hạng B; 233 bệnh binh; 215 người hoạt động kháng chiến và con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; 15 người phục vụ thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động trên 81%; 371 tuất liệt sĩ; 1 tuất Lão thành cách mạng; tuất quân nhân tử trận; 32 định xuất.

³ Quỹ Đền ơn đáp nghĩa cấp tỉnh và cấp huyện hỗ trợ 19 nhà với số tiền 348,5 triệu đồng, Quỹ Thiện tâm hỗ trợ 24 nhà với số tiền 740 triệu đồng; Bộ Quốc phòng hỗ trợ 33 nhà với số tiền 2.310 triệu đồng.

3. Kết quả việc phê duyệt và thực hiện Đề án tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sỹ và Đề án xác định danh tính hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin

Tỉnh Điện Biên đã thành lập Ban Chỉ đạo, ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sỹ từ nay đến năm 2020 và những năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Điện Biên; thành lập Ban chỉ đạo, ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo xác định hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Đã và đang tổ chức triển khai sâu rộng các Đề án trên đến các cấp, các ngành và mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức đón nhận 89 hài cốt liệt sỹ hy sinh trong thời kỳ kháng chiến chống pháp, liệt sỹ hy sinh vì nghĩa vụ Quốc tế tại Lào và liệt sỹ hy sinh vì sự nghiệp bảo vệ tổ quốc về an táng tại các Nghĩa trang liệt sỹ Điện Biên. Lấy 78 mẫu sinh phẩm hài cốt liệt sỹ để giám định ADN. Ngoài ra còn bổ sung thông tin về phần mộ của 13 liệt sỹ do Đội quy tập mộ liệt sỹ thuộc Cục Chính trị, Quân Khu 2, Bộ quốc phòng chuyển đến, an táng tại các Nghĩa trang liệt sỹ tại Điện Biên. Phối hợp với các địa phương trong cả nước báo tin về phần mộ liệt sỹ.

4. Kết quả việc giải quyết các vướng mắc, tồn đọng đối với hồ sơ đề nghị công nhận người có công với cách mạng; tiếp tục cải cách thủ tục hành chính bảo đảm việc xem xét, xác nhận, để người có công với cách mạng được thụ hưởng chính sách thuận lợi, kịp thời, chính xác, đúng quy định

Đã tập trung giải quyết, thanh toán chế độ cho các đối tượng chính sách có Hồ sơ đủ điều kiện theo quy định. Đến nay đã giải quyết 226/564 hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp một lần đối với Thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến, với tổng kinh phí 949 triệu đồng; trợ cấp một lần cho 7.757 trường hợp có thời gian tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ Quốc tế với số tiền 30.169.436.000 đồng theo các Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg, 142/2008/QĐ-TTg, 62/2011/QĐ-TTg, 47/2002/QĐ-TTg⁴. Hiện nay, còn 12 trường hợp đang kê khai Hồ sơ đề nghị xem xét hưởng chế độ theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg; đã thẩm định xong trình cấp có thẩm quyền 637 hồ sơ và các cấp đang thẩm định 1.558/5.332 hồ sơ đề nghị xem xét hưởng chế độ theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg.

Tiếp nhận, giám định lại cho 40 trường hợp có hồ sơ đề nghị cho hưởng chế độ đối với người có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động trên 81%. Sau khi giám định, kết luận lại tỷ lệ suy giảm khả năng lao động có 07/40 trường hợp tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động trên 81%; còn lại 33/40 trường hợp còn lại hưởng chế độ ưu đãi phù hợp với tỷ lệ suy giảm khả năng lao động theo quy định.

⁴ Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg, đã chi trả trợ cấp một lần cho 526 trường hợp, số tiền 1.193.436.000 đ; Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg, đã chi trả trợ cấp một lần cho 328 trường hợp, số tiền 391,8 triệu đồng; Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg, đã chi trả trợ cấp một lần cho 3.759 trường hợp, số tiền 15.495,8 triệu đồng (còn tồn đọng 12 hồ sơ); Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg, đã chi trả trợ cấp một lần cho 07 đối tượng có thời gian tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ Quốc tế, số tiền 27.900.000đ, cho 3.137 trường hợp, số tiền 13.060.500.000 đ (đã thẩm định 637 hồ sơ, còn 1.558/5.332 hồ sơ các cấp đang thẩm định).

5. Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm; tham gia thực hiện chính sách, pháp luật về người có công

- Các cấp, các ngành thường xuyên tiến hành thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chế độ ưu đãi đối với người có công với Cách mạng nhằm phát hiện kịp thời những sai sót, hạn chế, và khắc phục kịp thời trong việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với người có công. Qua thanh tra, kiểm tra đã đình chỉ, thu hồi quyền lợi thương binh của 01 đối tượng, thu hồi nộp Ngân sách số tiền là 152.308.800 đồng.

- Để thực hiện tốt chính sách người có công với Cách mạng, tỉnh Điện Biên thường xuyên tuyên truyền sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người có công; phát huy truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, “Ăn quả nhớ người trồng cây” của dân tộc; tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của các tổ chức, cá nhân trong cả nước để hỗ trợ cho người có công.

III. VỀ TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LỆNH SỐ 04/2012/UBTVQH13 VÀ PHÁP LỆNH SỐ 05/2012/UBTVQH13 (biểu 01)

1. Kết quả thực hiện các chính sách mới theo quy định của Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13

Quản lý, thực hiện các chính sách mới theo quy định của Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 cho 1.642 trường hợp, trong đó: Người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học là 169 người (*Mức 21% - 40%: 25 người; Mức 41% - 60%: 98 người; Mức 61% - 80%: 39 người; Mức 81% trở lên: 07 người*). Trợ cấp hàng tháng đối với người tham gia kháng chiến bị địch bắt tù, đày: 07 người. Chế độ điều dưỡng: 924 người. Chế độ trợ cấp tuất đối với thân nhân liệt sỹ: 4 người. Mua bảo hiểm y tế cho thân nhân người có công: 192 người. Chế độ thờ cúng liệt sỹ: 343 người. Trợ cấp hàng tháng đối với người vừa là bệnh binh vừa bị nhiễm chất độc hóa học: 1 người. Ưu đãi trong giáo dục: 02 người.

Đối với người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (chuyển từ 2 mức sang 4 mức) sau khi điều chỉnh có 123/169 người giảm mức trợ cấp.

2. Thực hiện chính sách mới đối với Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo quy định của Pháp lệnh số 05/2012/UBTVQH13

Tỉnh đang chỉ đạo các cấp, các ngành tiếp tục rà soát, hướng dẫn các trường hợp đủ điều kiện làm hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng". Hiện nay, có 01 trường hợp đang làm hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

3. Việc thực hiện các chính sách trên địa bàn tỉnh tính đến hết năm 2013 và 6 tháng đầu năm 2014 (Biểu số 2, 3 kèm theo).

Thực hiện Pháp lệnh số 04 và 05, tổng số đối tượng người có công trên địa bàn tỉnh là 8.618 đối tượng, tăng thêm 557 (8.618 - 8.061) đối tượng. Trong đó: 07 người phục vụ cho người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị

suy giảm khả năng lao động trên 80%; 07 người bị địch bắt tù đày; 4 tuất liệt sĩ; 4 tuất quân nhân; 343 đối tượng được hưởng chế độ thờ cúng liệt sĩ; 192 đối tượng được mua bảo hiểm y tế.

4. Khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện

4.1- Do văn bản quy phạm pháp luật

- Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ và Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng và thân nhân:

+ Khó khăn trong việc giám định tỷ lệ suy giảm khả năng lao động cho con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học: Theo quy định để làm hồ sơ đề nghị hưởng chế độ ưu đãi thì con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm CDHH phải đến Hội đồng giám định y khoa của tỉnh để giám định tỷ lệ suy giảm khả năng lao động. Tuy nhiên, nhiều trường hợp con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm CDHH (*dị dạng, dị tật, không có khả năng tự phục vụ*) rất khó khăn trong vận động, nhất là đi lại, mặt khác điều kiện kinh tế nhiều gia đình khó khăn. Trong khi chưa có quy định về việc tổ chức giám định tại cơ sở nơi có người nhiễm CDHH.

+ Quy định về chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ chưa phù hợp, vì: theo phong tục tập quán của các dân tộc Việt Nam thì khi chồng chết, người vợ đi lấy chồng khác sẽ không thờ cúng người chồng trước nữa, mà việc thờ cúng là do con (hoặc họ hàng). Nhưng theo quy định thì vợ liệt sĩ là người được hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng và là người được hưởng chế độ thờ cúng (*dù đã tái giá*).

+ Quy định mức và chế độ đối với người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học còn nhiều bất cập⁵.

- Quyết định 98/2006/QĐ-TTg ngày 5/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ thì các cá nhân có thành tích tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ không đủ điều kiện tặng Huy chương Kháng chiến hạng nhì và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, thì được UBND tỉnh tặng thưởng Bằng khen. Tuy nhiên, Quyết định không quy định chế độ tiền thưởng kèm theo, gây khó khăn trong thực hiện và thắc mắc trong nhân dân (*tỉnh Điện Biên có 733 cá nhân thuộc đối tượng trên được Chủ tịch UBND tỉnh Bằng khen từ năm 2007*).

4.2. Việc hướng dẫn của các bộ, ngành, cơ quan ở trung ương

⁵ Mức độ suy giảm khả năng lao động chỉ chênh lệch 1% nhưng hưởng mức trợ cấp chênh lệch đến hơn 40%, (suy giảm 40% được hưởng trợ cấp bằng 0,76 lần mức chuẩn, nhưng suy giảm 41% được hưởng trợ cấp bằng 1,27 lần mức chuẩn). Trong khi đó cùng hưởng một mức trợ cấp nhưng mức độ suy giảm khả năng lao động chênh lệch 19% (từ 21% đến 40% hưởng 0,76 lần mức chuẩn); Mức trợ cấp hàng tháng của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 21- 40% (927.000đ/người/tháng), thấp hơn mức trợ cấp tiền tuất thân nhân liệt sĩ hàng tháng (1.220.000 đồng/định suất/tháng).

- Việc ban hành các văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương về chính sách đối với người có công còn chậm, chưa đồng bộ (*Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 được ban hành vào tháng 7/2012 nhưng đến tháng 4/2013 mới có Nghị định hướng dẫn thi hành, tháng 10, 11 năm 2013 mới có thông tư liên tịch hướng dẫn xác nhận đối tượng người có công không còn giấy tờ và hướng dẫn khám giám định bệnh tật đối với người nhiễm chất độc hóa học...*).

- Chưa có quy định cho các đối tượng là quân nhân về phục viên, nghỉ chế độ. Nhưng trong thời gian tham gia kháng chiến họ bị sức ép bom, mìn (*không có vết thương thực thể*), hiện nay sức khỏe giảm sút hay ốm đau, bệnh tật được xem xét công nhận là thương binh.

4.3. Việc tổ chức thực hiện của địa phương và nguyên nhân khác:

- Việc triển khai thực hiện Đề án tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sỹ và Đề án xác định danh tính hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin chậm (*14/01/2013 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 150/QĐ-TTg phê duyệt Đề án xác định hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin, đến ngày 31/12/2013, UBND tỉnh mới ban hành Quyết định số 1107/QĐ-UBND, 1108/QĐ-UBND về thành lập Ban Chỉ đạo và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo xác định hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin tỉnh Điện Biên và đến ngày 26/6/2014 mới ban hành Kế hoạch thực hiện đề án tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sỹ*), đến thời điểm giám sát các huyện, thị xã, thành phố vẫn chưa triển khai thực hiện quy định này.

- Việc tổ chức rà soát, lập hồ sơ ở cấp xã, phường, thị trấn và các cơ quan liên quan còn chậm nên ảnh hưởng đến tiến độ triển khai chính sách đối với người có công; Đội ngũ cán bộ công chức làm công tác chuyên trách về lĩnh vực người có công còn hạn chế; công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân và cán bộ, công chức làm công tác người có công chưa thường xuyên.

- Do nhận thức chưa đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về trình tự thủ tục thực hiện chính sách miễn, giảm học phí đối với người có công và con của người có công theo quy định Nghị định số 74/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT- BGDĐT-BTC-BLĐTBXH dẫn đến việc chi trả còn lúng túng.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ KIẾN NGHỊ

1. Đánh giá chung

1.1. Những kết quả đã đạt được

Trong những năm qua, tỉnh Điện Biên đã giải quyết tốt công tác người có công với Cách mạng. Tổ chức rà soát, thống kê bổ sung các đối tượng mới theo quy định của Pháp lệnh số 04, 05; tiếp nhận, giải quyết, điều chỉnh mức trợ cấp, phụ cấp và chi trả chế độ cho các đối tượng người có công được đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định. Chính sách hỗ trợ về nhà ở cho người có công đã được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện. Việc tặng sổ tiết kiệm tình nghĩa cho các gia đình chính sách đã được thực hiện ở một số nơi. Trong các dịp lễ tết, ngày kỷ niệm thương binh, liệt sỹ hàng năm, chính quyền và các ban ngành, đoàn thể đều

tổ chức tốt công tác thăm hỏi, tặng quà cho các gia đình chính sách. Tích cực giải quyết những vướng mắc, tồn đọng đối với các hồ sơ đề nghị công nhận người có công với cách mạng. Tổ chức khảo sát tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính hài cốt liệt, xây dựng và tu bổ các nghĩa trang liệt sỹ. Công tác đền ơn đáp nghĩa luôn được các cấp chính quyền của địa phương quan tâm, đời sống của các đối tượng chính sách được nâng lên, có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư nơi cư trú.

1.2. Tồn tại, hạn chế

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn trong việc theo dõi thực hiện chế độ, chính sách đối với người có công chưa chặt chẽ, thường xuyên. Công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về lĩnh vực người có công chưa thường xuyên, hình thức và nội dung tuyên truyền còn hạn chế.

- Việc theo dõi, hướng dẫn làm hồ sơ đề nghị hưởng chính sách người có công chưa kịp thời, đầy đủ (*một số trường hợp đến nay vẫn đang làm hồ sơ đề nghị hưởng chính sách, như: đề nghị xét tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" ở TP Điện Biên Phủ, đề nghị hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở huyện Mường Ảng*).

- Nguồn kinh phí hỗ trợ đầu tư nhà ở cho người có công còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế (*mới cấp kinh phí hỗ trợ cho 73/1773 hộ, đáp ứng được 4,12% Đề án đã duyệt*). Việc triển khai hỗ trợ cho các hộ xây dựng, sửa chữa nhà chậm, chưa sát với nhu cầu thực tế của từng đối tượng (*mới 20/73 giải ngân được nguồn vốn hỗ trợ, đạt 27,39%; một số gia đình còn chờ tuổi, ngày đẹp, chưa làm ngay nhưng vẫn được cấp kinh phí*). Một số huyện còn lúng túng trong việc phân bổ vốn, nên đến nay chưa phân bổ vốn hỗ trợ làm nhà ở cho người có công để cấp xã triển khai thực hiện.

- Việc triển khai thực hiện một số đề án, chính sách còn chậm, như: tỉnh chưa ban hành cơ chế giám sát, kiểm tra việc thực hiện; chưa bố trí vốn đối ứng 0,5% chi phí quản lý triển khai thực hiện; chậm ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ đến năm 2020 và những năm tiếp theo của Thủ tướng Chính phủ theo Quyết định 150/QĐ-TTg ngày 14/01/2013 và Quyết định số 1237/QĐ-TTg ngày 27/7/2013.

- Chính sách, chế độ tiền lương, phụ cấp đối với nhân viên quản lý nghĩa trang liệt sĩ còn bất cập so với chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Việc bố trí, phân công nhiệm vụ cho công chức văn hóa xã hội và người hoạt động không chuyên trách làm công tác Lao động - Thương binh và Xã hội ở một số xã, phường chưa hợp lý, hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ nên dẫn đến thực hiện chưa đáp ứng được yêu cầu.

2. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Các đối tượng đề nghị công nhận là người có công còn tồn đọng sau chiến tranh cần giải quyết chủ yếu là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, biên giới đã hy

sinh hoặc bị thương trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954), sau chiến tranh có một thời gian dài không được quan tâm, không lưu giữ được giấy tờ, hồ sơ gốc có liên quan gây nhiều khó khăn trong việc xác minh, chứng nhận cho người có công.

- Điện Biên là một tỉnh nghèo, hàng năm ngân sách chi thường xuyên trên 90% do Trung ương hỗ trợ, vì vậy ngân sách của địa phương chi cho lĩnh vực người có công rất hạn hẹp; việc huy động đóng góp từ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh còn hạn chế nên nguồn lực xây dựng quỹ "Đền ơn đáp nghĩa" hàng năm đạt thấp.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Việc ban hành văn bản hướng dẫn về chế độ, chính sách đối với người có công của các Bộ, ngành còn chậm. Một số quy định chưa phù hợp, còn bất cập như: quy định về việc điều chỉnh mức hưởng trợ cấp đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; quy định việc giám định sức khỏe đối với con đẻ của người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; quy định về trợ cấp thờ cúng liệt sĩ; quy định thủ tục miễn, giảm học phí đối với người có công và con của người có công...

- Nguồn kinh phí hỗ trợ đầu tư nhà ở cho người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế.

- Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong việc xác nhận, giải quyết chế độ đối với người có công với cách mạng có lúc còn chưa chặt chẽ, chưa thực hiện hết trách nhiệm. Công tác chỉ đạo chưa quyết liệt, thiếu cơ chế kiểm tra giám sát, việc chấp hành chế độ báo cáo tiến độ thực hiện việc hỗ trợ người có công về nhà ở.

- Nhận thức các quy định của pháp luật về người có công của một số cán bộ, công chức còn hạn chế, chưa sâu sắc nên trong quá trình thực hiện còn lúng túng; một số cán bộ cấp xã còn hiểu chưa đúng, đầy đủ về đối tượng và điều kiện được hỗ trợ về nhà ở nên trong quá trình rà soát, thống kê còn bỏ sót đối tượng.

V. GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ

1. Giải pháp

- Đổi mới hình thức, nội dung tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực người có công; lồng ghép công tác tuyên truyền chính sách, pháp luật đối với người có công với cách mạng với Chương trình phổ biến giáo dục, pháp luật cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng pháp luật các chế độ, chính sách cho đối tượng là người có công với cách mạng. Tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong việc xác nhận, giải quyết chế độ đối với người có công.

- Tranh thủ sự hỗ trợ về nguồn lực của Trung ương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để tăng cường đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn.

- Đẩy mạnh các phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", "Uống nước nhớ nguồn", chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, người có công với cách mạng. Huy động mọi nguồn lực trong xã hội, đảm bảo duy trì và nâng cao mức sống cho gia đình người có công cao hơn mức sống trung bình dân nơi cư trú; quan tâm hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ là con em người có công để họ tiếp tục phát huy truyền thống gia đình, đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống cho đội ngũ cán bộ công chức làm công tác thương binh, liệt sĩ, người có công với cách mạng.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về lĩnh vực người có công với cách mạng.

2. Kiến nghị

2.1. Đối với Quốc hội

Đề nghị sớm ban hành Luật người có công với cách mạng trên cơ sở hợp nhất Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng và Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng".

Bổ sung đối tượng là quân nhân về phục viên, nghỉ chế độ, trong thời gian tham gia kháng chiến bị sức ép của bom, mìn (*không có vết thương thực thể*), hiện nay sức khỏe giảm sút hay ốm đau, bệnh tật, thuộc đối tượng đề được xem xét công nhận là thương binh.

2.2. Đối với Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương

- Đề nghị Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương xem xét sửa đổi, bổ sung các quy định chưa phù hợp, còn bất cập như: quy định về việc điều chỉnh mức hưởng trợ cấp đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; quy định việc giám định sức khỏe đối với con đẻ của người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; quy định về trợ cấp thờ cúng liệt sĩ; quy định thủ tục miễn, giảm học phí đối với người có công và con của người có công ... ban hành chế độ phụ cấp độc hại đối với cán bộ và nhân viên quản lý các nghĩa trang liệt sĩ; Chế độ thưởng bằng tiền đối với những trường hợp được UBND tỉnh tặng thưởng Bằng khen theo Quyết định số 98/2006/QĐ-TTg ngày 05/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

- Có chủ trương cho phép các địa phương tiếp tục rà soát, bổ sung danh sách hộ gia đình người có công cần hỗ trợ về nhà ở.

- Đề nghị Bộ Lao động - TB&XH nghiên cứu, ban hành Thông tư hướng dẫn giải quyết chính sách tồn đọng sau chiến tranh cho các đối tượng người có công bị thương trong kháng chiến chống Pháp nhưng không còn lưu giữ được giấy tờ gốc, tuổi đã cao, nhân chứng không còn.

- Đề nghị Bộ Tài chính và các Bộ có liên quan cấp đủ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg.

2.3. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh

- Chỉ đạo các cấp, các ngành phối hợp chặt chẽ trong việc tổ chức thực hiện chế độ, chính sách đối với người có công. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về ưu đãi người có công; vận động thực hiện tốt phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc người có công; huy động mọi nguồn lực thực hiện hỗ trợ nhà ở cho người có công.

- Triển khai sâu rộng Đề án xác định hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin và Đề án tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ đến năm 2020 và những năm tiếp theo. Chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố đẩy nhanh tiến độ hỗ trợ làm nhà cho các trường hợp đã được cấp kinh phí tại Quyết định 166/QĐ-UBND.

- Ban hành cơ chế kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện hỗ trợ người có công với cánh mạng về nhà ở (theo Quyết định 22/2013/QĐ-TTg) nhằm đảm bảo vốn hỗ trợ đến đúng đối tượng, đạt hiệu quả cao.

- Chỉ đạo, hướng dẫn việc bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức làm công tác thương binh, liệt sĩ, người có công ở cấp xã đảm bảo đúng quy định. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực người có công cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác thương binh, liệt sĩ, người có công.

Trên đây là nội dung báo cáo giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết 494/NQ-UBTVQH13 và bước đầu thực hiện Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13, Pháp lệnh số 05/2012/UBTVQH13 về chính sách ưu đãi người có công với Cách mạng trên địa bàn tỉnh Điện Biên./.

Nơi nhận:

- Ủy ban TVQH (b/c);
- Ủy ban CVĐXH của Quốc hội(b/c);
- Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các Sở, ngành: Lao động, Thương binh và Xã hội, Tài Chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Hội cựu chiến binh tỉnh;
- Các vị ĐBQH tỉnh;
- Thành viên đoàn giám sát;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- LĐ VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Phòng CT ĐBQH (3);
- Lưu: VP.

**TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TRƯỞNG ĐOÀN**



Lò Văn Muôn

**Biểu số 01: Chính sách mới ưu đãi người có công và thân nhân quy định tại
Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13, Pháp lệnh số 05/2012/UBTVQH13**

(Kèm theo Báo cáo số 69 /BC-ĐDBQH ngày 15 tháng 8 năm 2014 của ĐDBQH tỉnh Điện Biên)

TT	Nội dung chế độ	Số lượng hồ sơ đã tiếp nhận	Số lượng hồ sơ đã giải quyết	Số lượng hồ sơ tồn đọng	Nguyên nhân tồn đọng hồ sơ
1	Trợ cấp hàng tháng cho người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	7	7	0	
2	Điều dưỡng	924	924		
3	Trợ cấp tuất hàng tháng	10	10	0	
4	Thờ cúng liệt sỹ	343	343	0	
5	Bảo hiểm y tế	7658	7658	0	Cấp mới theo Pháp lệnh 04 192 người
6	Trợ cấp phục vụ đối với các đối tượng sau:	7	7	0	
6.1	Bà mẹ Việt Nam anh hùng	0	0	0	
6.2	Người HĐKC bị nhiễm CĐHH suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên	7	7	0	

Biểu số 2: Báo cáo trợ cấp năm 2013

(Kèm theo Báo cáo số 69/BC- ĐĐBQH ngày 15 tháng 8 năm 2014 của ĐĐBQH tỉnh Điện Biên)

TT	Loại trợ cấp	Số người	Số tiền
I	Người HĐCM trước ngày 01/01/1945	4	81,769,000
1	Diện thoát ly	4	81,769,000
II	Người HĐCM từ 01/01/1945 đến trước TKN 19/8/1945	2	45,456,000
III	Bà Mẹ VNAH, AHLLVT nhân dân, AHLĐ trong KC	4	45,608,000
1	Bà mẹ Việt Nam anh hùng		
2	AHLLVT nhân dân, AHLĐ trong kháng chiến	4	45,608,000
IV	TB, người hưởng CSNTB (gọi tắt là thương binh)	344	6,377,563,000
1	TB suy giảm khả năng lao động từ 21% - 60%	317	5,389,179,000
2	TB suy giảm khả năng lao động từ 61% - 80%	23	785,543,000
3	TB suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên	4	202,841,000
4	TB suy giảm khả năng LĐ từ 81% trở lên có VTĐB nặng		
V	Thương binh loại B	27	481,690,000
1	TB B suy giảm khả năng lao động từ 21% - 60%	24	355,891,000
2	TB B suy giảm khả năng lao động từ 61% - 80%	2	69,090,000
3	TB B suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên	1	56,709,000
4	TB B suy giảm khả năng LĐ từ 81% trở lên có VTĐB nặng		
VI	Bệnh binh	228	6,779,627,000
1	Suy giảm khả năng lao động từ 41% - 50%	5	70,920,000
2	Suy giảm khả năng lao động từ 51% - 60%	6	105,898,000
3	Suy giảm khả năng lao động từ 61% - 70%	182	5,426,230,000
4	Suy giảm khả năng lao động từ 71% - 80%	32	1,043,688,000
5	Suy giảm khả năng lao động từ 81% - 90%	3	132,891,000
VII	Người phục vụ thương binh, bệnh binh, BMVNAH	13	113,647,000
1	<i>Người phục vụ TB, thương binh loại B ở gia đình:</i>	5	71,927,000
1.1	Suy giảm khả năng lao động từ 81%	4	54,380,000
1.2	Suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên có VT ĐB nặng	1	17,547,000
2	<i>Người phục vụ bệnh binh ở gia đình:</i>	2	27,080,000
2.1	Suy giảm khả năng lao động từ 81%	2	27,080,000
2.2	Suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên có VT ĐB nặng		
3	Người phục vụ người bị nhiễm chất độc hóa học	6	14,640,000
VIII	Người HĐKC và con đẻ của NHĐKC bị nhiễm CĐHH	212	4,258,192,300
1	<i>Người HĐKC bị nhiễm chất độc</i>	168	3,853,716,300
1.1	Bị mắc bệnh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên	33	1,070,286,000
1.2	Bị mắc bệnh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở xuống	87	1,762,694,300
1.3	TB, TB B, BB, người hưởng chế độ MSLĐ bị nhiễm CĐHH	48	1,020,736,000
2	<i>Con đẻ còn sống của người HĐKC bị nhiễm chất độc HH</i>	44	404,476,000
2.1	Bị dị dạng, dị tật nặng, không tự lực được trong sinh hoạt	13	167,360,000
2.2	Bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt	31	237,116,000
IX	Trợ cấp tiền tuất	407	5,370,534,000
1	Trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân của 1 liệt sĩ	367	5,017,400,000
2	Trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân của 2 liệt sĩ trở lên	2	49,894,000
3	Trợ cấp tuất nuôi dưỡng đối với thân nhân liệt sĩ	2	48,504,000
4	Trợ cấp tiền tuất đối với TN của NHĐCM trước 01/01/1945 từ trần	1	13,540,000
5	Trợ cấp ND đối với TN của NHĐCM trước 01/01/1945 từ trần		
8	Trợ cấp tiền tuất đvới TN của TB,TT B giảm KNLĐ 61% từ trần	6	47,208,000
10	Trợ cấp tiền tuất đvới TN của BB suy giảm KNLĐ 61% từ trần	27	191,252,000
11	Tuất thân nhân người hoạt động KC bị nhiễm CĐHH	2	2,736,000
X	Trợ cấp theo QĐ 142/QĐ-TTg	14	210,566,296
XI	Trợ cấp theo QĐ 53/QĐ-TTg	8	120,672,544
XII	Trợ cấp theo QĐ 62/QĐ-TTg	2	10,256,000
XIII	Tù đày	7	22,488,000
	Cộng	1,272	23,918,069,140

Biểu 3: Trợ cấp hàng tháng 6 tháng đầu năm 2014

(Kèm theo Báo cáo số 69/BC-ĐDBQH ngày 15 tháng 8 năm 2014 của ĐDBQH tỉnh Điện Biên)

TT	Loại trợ cấp	Số người	Số tiền
I	Người HĐCM trước ngày 01/01/1945	4	43,968,000
1	Diện thoát ly	4	43,968,000
II	Người HĐCM từ 01/01/1945 đến trước TKN 19/8/1945	1	12,848,000
III	Bà Mẹ VNAH, AHLLVT nhân dân, AHLĐ trong KC	4	24,552,000
1	Bà mẹ Việt Nam anh hùng		
2	AHLLVT nhân dân, AHLĐ trong kháng chiến	4	24,552,000
IV	TB, người hưởng CSNTB (gọi tắt là thương binh)	340	3,398,573,000
1	TB suy giảm khả năng lao động từ 21% - 60%	314	2,881,325,000
2	TB suy giảm khả năng lao động từ 61% - 80%	22	408,054,000
3	TB suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên	4	109,194,000
4	TB suy giảm khả năng LĐ từ 81% trở lên có VTĐB nặng		
V	Thương binh loại B	27	251,490,000
1	TB B suy giảm khả năng lao động từ 21% - 60%	24	193,590,000
2	TB B suy giảm khả năng lao động từ 61% - 80%	2	27,498,000
3	TB B suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên	1	30,402,000
4	TB B suy giảm khả năng LĐ từ 81% trở lên có VTĐB nặng		
VI	Bệnh binh	225	3,563,877,000
1	Suy giảm khả năng lao động từ 41% - 50%	5	38,220,000
2	Suy giảm khả năng lao động từ 51% - 60%	5	49,166,000
3	Suy giảm khả năng lao động từ 61% - 70%	180	2,843,965,000
4	Suy giảm khả năng lao động từ 71% - 80%	32	560,904,000
5	Suy giảm khả năng lao động từ 81% - 90%	3	71,622,000
VII	Người phục vụ thương binh, bệnh binh, CĐHH	14	100,908,000
1	Người phục vụ TB, thương binh loại B ở gia đình:	5	38,688,000
1.1	Suy giảm khả năng lao động từ 81%	4	29,280,000
1.2	Suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên có VT ĐB nặng	1	9,408,000
2	Người phục vụ bệnh binh ở gia đình:	2	14,640,000
2.1	Suy giảm khả năng lao động từ 81%	2	14,640,000
2.2	Suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên có VT ĐB nặng		
3	Người phục vụ người bị nhiễm chất độc hóa học	7	47,580,000
VIII	Người HĐKC và con đẻ của NHĐKC bị nhiễm chất độc	212	2,038,381,000
1	Người HĐKC bị nhiễm chất độc	168	1,816,938,000
1.1	Bị mắc bệnh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên	32	488,724,000
1.2	Bị mắc bệnh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở xuống	87	824,052,000
1.3	TB, TB B, BB, người hưởng chế độ MSLĐ bị nhiễm CĐHH	49	504,162,000
2	Con đẻ còn sống của người HĐKC bị nhiễm chất độc HH	44	221,443,000
2.1	Bị dị dạng, dị tật nặng, không tự lực được trong sinh hoạt	12	90,280,000
2.2	Bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt	32	131,163,000
IX	Trợ cấp tiền tuất	403	2,864,752,000
1	Trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân của 1 liệt sĩ	356	2,636,420,000
2	Trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân của 2 liệt sĩ trở lên	2	29,280,000
3	Trợ cấp tuất nuôi dưỡng đối với thân nhân liệt sĩ	2	26,352,000
4	Trợ cấp tiền tuất đối với TN của NHĐCM trước 01/01/1945 từ trần	2	8,540,000
5	Trợ cấp ND đối với TN của NHĐCM trước 01/01/1945 từ trần		
8	Trợ cấp tiền tuất đvối TN của TB,TT B giảm KNLĐ 61% từ trần	2	8,208,000
10	Trợ cấp tiền tuất đvối TN của BB suy giảm KNLĐ 61% từ trần	37	147,744,000
11	Tuất thân nhân người hoạt động KC bị nhiễm CĐHH	2	8,208,000
X	Trợ cấp theo QĐ 142/QĐ-TTg	14	112,320,000
XI	Trợ cấp theo QĐ 53/QĐ-TTg	8	66,136,632
XII	Trợ cấp theo QĐ 62/QĐ-TTg	11	78,013,000
XIII	Tù đày	7	30,744,000
	Cộng	1270	12,586,562,632

Biểu số 04: Hỗ trợ nhà ở cho người có công và thân nhân

(Kèm theo Báo cáo số *69* /BC-ĐDBQH ngày *15* tháng 8 năm 2014 của ĐDBQH tỉnh Điện Biên)

TT	Các huyện, thị xã, thành phố	Số lượng đã báo cáo Đoàn giám sát của UBTVQH năm 2012			Số lượng theo Đề án hỗ trợ đã được UBND tỉnh phê duyệt		
		Tổng số	Số hộ ở nhà tạm cần xây mới	Số hộ cần hỗ trợ sửa chữa	Tổng số	Số hộ ở nhà tạm cần xây mới	Số hộ cần hỗ trợ sửa chữa
1	Thành phố Điện Biên Phủ	8	8	0	71	23	48
2	Huyện Điện Biên	12	3	9	304	148	156
3	Huyện Điện Biên Đông	16	3	13	292	85	207
4	Huyện Mường Ảng	27	9	18	249	42	207
5	Huyện Tuần Giáo	84	5	79	488	177	311
6	Huyện Tủa Chùa	1	1	0	164	53	111
7	Huyện Mường Chà	25	4	21	33	14	19
8	Huyện Nậm Pồ	0	0	0	46	7	39
9	Huyện Mường Nhé	0	0	0	60	12	48
10	Thị xã Mường Lay	10	4	6	66	32	34
	Tổng cộng:	183	37	146	1,773	593	1,180